

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1307~~ /TCT-CS
V/v Nghị định gia hạn
nộp thuế và tiền thuê đất

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 04/3/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 11/CT-TTg về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19.

Ngày 25/3/2020, Tổng cục Thuế đã có công văn số 1254/TCT-DT chỉ đạo Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc đôn đốc thu nộp ngân sách nhà nước tháng 3 năm 2020. Trong đó, có yêu cầu Cục Thuế chủ động rà soát, nắm bắt và phân loại đối tượng dự kiến thuộc phạm vi gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo dự thảo Nghị định kèm theo công văn số 2650/BTC-CST ngày 10/3/2020 của Bộ Tài chính để chủ động hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế kịp thời khi Chính phủ ban hành chính thức Nghị định. Tiếp theo, để cập nhật nội dung mới so với dự thảo Nghị định của Bộ Tài chính đã gửi, Tổng cục Thuế cập nhật thêm như sau:

Ngày 26/3/2020, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ký Tờ trình Chính phủ số 3540/TTr-BTC về Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất. Nghị định này quy định việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất.

Cụ thể, tại dự thảo Nghị định có quy định:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

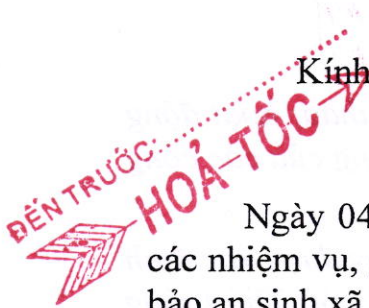
Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế sau:

- Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan; lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan; khai thác, nuôi trồng thủy sản;

- Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất giày, dép; sản xuất sản phẩm từ cao su; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác (trừ sản xuất ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống).

2. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế sau:



- Vận tải đường sắt; vận tải hành khách bằng xe buýt; vận tải đường bộ khác; vận tải đường thủy; vận tải hàng không; kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;

- Dịch vụ lưu trú; dịch vụ ăn uống;

- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;

- Giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội;

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; hoạt động thể thao; hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên; hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; hoạt động chiếu phim.

Danh mục ngành kinh tế nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xác định theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Phân ngành kinh tế theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg gồm 5 cấp và việc xác định ngành kinh tế được áp dụng theo nguyên tắc: Trường hợp tên ngành kinh tế nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thuộc ngành cấp 1 thì ngành kinh tế được áp dụng quy định gia hạn bao gồm tất cả các ngành kinh tế thuộc phân cấp 2, cấp 3, cấp 4, cấp 5 của ngành cấp 1; trường hợp thuộc ngành cấp 2 thì ngành kinh tế được áp dụng quy định gia hạn bao gồm tất cả các ngành kinh tế thuộc phân cấp 3, cấp 4, cấp 5 của ngành cấp 2; trường hợp thuộc ngành cấp 3 thì ngành kinh tế được áp dụng quy định gia hạn bao gồm tất cả các ngành kinh tế thuộc phân cấp 4, cấp 5 của ngành cấp 3; trường hợp thuộc ngành cấp 4 thì ngành kinh tế được áp dụng quy định gia hạn bao gồm tất cả các ngành kinh tế thuộc phân cấp 5 của ngành cấp 4.

Ngành kinh tế của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh quy định tại Điều này là ngành mà doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm 2020.

3. Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ được xác định theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 3. Gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất

1. Đối với thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu)

a) Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp của kỳ tính thuế tháng 3, tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2020 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng) và kỳ tính thuế quý 1, quý 2 năm 2020 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo quý) của các doanh nghiệp, tổ chức nêu tại Điều 2 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế được gia hạn dẫn đến làm tăng số thuế giá trị gia tăng phải nộp và gửi đến cơ

quan thuế trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn bao gồm cả số thuế phải nộp tăng thêm do khai bổ sung.

...

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp theo quyết toán của năm 2019 và số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý 1, quý 2 năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức đã thực hiện nộp số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp theo quyết toán của năm 2019 vào Ngân sách Nhà nước thì doanh nghiệp, tổ chức được bù trừ với số phải nộp của các loại thuế khác.

3. Đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh

Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền thuế phát sinh phải nộp năm 2020 của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các ngành kinh tế nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị định này. Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp số tiền thuế được gia hạn tại khoản này trước ngày 15 tháng 12 năm 2020.

4. Đối với tiền thuê đất

Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với số tiền thuê đất phải nộp kỳ đầu năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo quyết định, hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm mà trên Quyết định, Hợp đồng cho thuê đất có mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc các ngành kinh tế quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị định này. Riêng với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này thì được gia hạn toàn bộ tiền thuê đất phải nộp kỳ đầu năm 2020 của doanh nghiệp. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2020. Thời hạn nộp tiền thuê đất được gia hạn chậm nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2020.”

Nghị định này sẽ sớm được Chính phủ xem xét ban hành và có hiệu lực kể từ ngày ký.


Đề nghị Cục Thuế cung cấp thông tin đến cộng đồng doanh nghiệp, người nộp thuế biết, theo dõi sát để triển khai thực hiện khi Nghị định được ký ban hành.

Tổng cục Thuế thông báo Cục Thuế các tỉnh, thành phố biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Vụ: CST, PC (BTC);
- Các Vụ: KK, DT, DNL, CNTT, DNNCN, QLN, TTHT (TCT);
- Website Tổng cục Thuế;
- Lưu VT, CS (3b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thế Mạnh